TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2022.
V/v: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Quang.
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi **tham gia phiên tòa**: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc *"Ly hôn, "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST - HNGĐ ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng L, sinh 1982 (vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: Chị Vũ Thị P, sinh 1984 (vắng mặt có lý do).

Cùng địa chỉ: Xóm 5, thôn Xuân phổ Đ, xã Nghĩa K, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2022, bản trình bày ngày 22/4/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hồng L trình bày:

Anh và chị Vũ Thị P tự nguyện tìm hiểu yêu đương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa K, huyện Tư N ngày 06/8/ 2018. Nhưng trong quá trình chúng tôi sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, cãi vả, bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng chúng tôi sống ly thân.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Theo bản trình bày ngày ngày 27/4/2002 bị đơn chị Vũ Thị P trình bày như sau:

Chị đã biết nội dung vụ án anh Nguyễn Hồng L khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa. Lý do vì công việc nên chị không thể đến Tòa giải quyết được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, chị nhận thấy giữa chị và anh L không còn tình cảm với nhau, hiện tại sống ly thân, nên anh L khởi kiện ly hôn chị, chị đồng ý.

Chị xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho chị Vũ Thị P

được quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị P, anh L có văn bản trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng L và chị Vũ Thị P có đăng ký kết hôn ngày 06/8/ 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa K, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời tình bày của anh L trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn thường xuyên cãi vả, không hợp bất đồng quan điểm sống, hiện nay anh chị sống ly thân, không quan tâm lẫn nhau.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị P, chị Vũ Thị P đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, nguyên nhân thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, hiện nay anh chị sống ly thân. Xét tình cảm vợ chồng đã rạng nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyễn Hông L được ly hôn chị Vũ Thị P.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hồng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng L được ly hôn chị Vũ Thị P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002021 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT